

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT)  
Gói thầu 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Dự án: Trạm 110kV Becamex thuộc dự án: Trạm 110kV Becamex.**

**GIÁM ĐỐC  
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN MIỀN NAM**

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ v/v Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính V/v hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Công văn số 7662/EVNSPC-QLĐT ngày 08/08/2024 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam về việc phổ biến Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư 80/2025/TT-BTC quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Công văn số 7854/EVNSPC-QLĐT ngày 14/08/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam về việc phổ biến Thông tư 80/2025/TT-BTC quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-HĐTV ngày 29/05/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam ban hành Quy định về công tác đấu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;*

Căn cứ Quyết định 1677/QĐ-EVN SPC ngày 01/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý giữa Tổng Giám đốc và Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 1824/QĐ-EVN SPC ngày 17/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong “Quy chế phân cấp thẩm quyền quản lý giữa Tổng Giám đốc và Giám đốc đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam” được ban hành theo Quyết định số 1677/QĐ-EVN SPC ngày 01/06/2025;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-EVN SPC ngày 28/2/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về ban hành Quy trình thực hiện công tác đấu thầu áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định 3757/QĐ-EVN SPC ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Giao kế hoạch ĐTXD năm 2025 cho Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam, trong đó có công trình trên;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-EVN SPC ngày 08/01/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập Tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu các công trình đầu tư xây dựng năm 2025 do Ban QLDA Lưới điện miền Nam thực hiện đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2069/QĐ-EVN SPC ngày 27/06/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn Đầu tư xây dựng năm 2025 cho Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam;

Căn cứ Công văn số 6581/EVN SPC-QLĐT ngày 07/08/2024 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam về việc phân cấp thẩm quyền trong công tác ký kết hợp đồng và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định 245/QĐ-ALĐMN ngày 02/8/2021 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam về Hướng dẫn trình tự thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng theo quy trình thực hiện công tác đấu thầu của Tổng công ty Điện lực miền Nam áp dụng trong Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-ALĐMN ngày 6/11/2025 của Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam về Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng nghiệp vụ trực thuộc Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3415/QĐ-EVN SPC ngày 26/11/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt dự án: Trạm 110kV Becamex;

Căn cứ Quyết định số 3434/QĐ-EVN SPC ngày 28/11/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Trạm 110kV Becamex;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-ALĐMN ngày 02/12/2025 của Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam Về việc phê duyệt dự toán gói thầu Gói 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB Công trình: Trạm 110kV Becamex;

Căn cứ Quyết định số 3445/QĐ-EVN SPC ngày 01/12/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam Về việc thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu Dự án: Trạm 110kV Becamex;

Căn cứ Hồ sơ mời thầu Gói 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB Công trình: Trạm 110kV Becamex do Công ty Tư vấn Điện miền Nam thiết lập;

Trên cơ sở Tờ trình số 1204/KHVT ngày 06/12/2025 của Phòng Kế hoạch vật tư về việc đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói thầu 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Trạm 110kV Becamex thuộc dự án: Trạm

*110kV Becamex; dự thảo E-HSMT; E-TBMT số IB2500561577 - 00 và các tài liệu liên quan được cung cấp;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, EHSMT số 1955/QLĐT ngày 06/12/2025 của Phòng Quản lý đầu tư về Báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói thầu 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Trạm 110kV Becamex thuộc dự án: Trạm 110kV Becamex.*

*Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Quản lý đầu tư,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói thầu 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Trạm 110kV Becamex thuộc dự án: Trạm 110kV Becamex. *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng KHVT căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Phòng KHVT chịu trách nhiệm rà soát tiên lượng mời chào thầu phải phù hợp với khối lượng trong dự toán gói thầu và đặc tính kỹ thuật vật tư thiết bị yêu cầu phải phù hợp với bộ đặc tính kỹ thuật đã được phê duyệt trước khi phát hành E-HSMT.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông Trưởng phòng: Kế hoạch – Vật tư; Quản lý công trình; Tài chính kế toán; Quản lý đầu tư; Bên mời thầu và các Đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Tổ chuyên gia *(bản giấy)*;
- P.KHVT; QLCT; TCKT;
- Lưu: VT, QLĐT. (Thành Công.04).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Phước Quý Hải**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ALĐMN ngày /12/2025)

### Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, E-HSMT

#### **Gói thầu 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Trạm 110kV Becamex thuộc dự án: Trạm 110kV Becamex.**

##### **1. Tài liệu để chuẩn bị E-HSMT**

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ v/v Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Mẫu Hồ sơ mời thầu xây lắp theo mẫu của Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính V/v hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Quyết định số 3415/QĐ-EVN SPC ngày 26/11/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt dự án: Trạm 110kV Becamex;
- Quyết định số 3434/QĐ-EVN SPC ngày 28/11/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Trạm 110kV Becamex;
- Quyết định số 1046/QĐ-ALĐMN ngày 02/12/2025 của Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam Về việc phê duyệt dự toán gói thầu Gói 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB Công trình: Trạm 110kV Becamex;
- Quyết định số 58/QĐ-EVN SPC ngày 08/01/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập Tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu các công trình đầu tư xây dựng năm 2025 do Ban QLDA Lưới điện miền Nam thực hiện đấu thầu;
- Quyết định số 3445/QĐ-EVN SPC ngày 01/12/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam Về việc thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu Dự án: Trạm 110kV Becamex;
- E-HSMT Gói thầu 6: Xây dựng và lắp đặt VTTB Công trình: Trạm 110kV Becamex do Công ty Tư vấn Điện miền Nam thiết lập và Phòng KHVT trình tại Tờ trình số 1204/KHVT ngày 06/12/2025.

##### **2. Biên chế hồ sơ mời thầu thành 04 tập bao gồm :**

- Tập 1 : E-HSMT và Hồ sơ thương mại.
- Tập 2 : Chỉ dẫn kỹ thuật vật tư thiết bị
- Tập 3 : Chỉ dẫn kỹ thuật thi công lắp đặt
- Tập 4 : Tập bản vẽ

**3. Yêu cầu kỹ thuật:** theo các đặc tính kỹ thuật hiện hành đã được Tổng công ty Điện lực miền Nam ban hành ( Theo Quyết định 211/QĐ-HĐTV ngày 13/11/2024 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực miền Nam ban hành) và theo hồ sơ TKBVTC-DT được Tổng công ty duyệt;

– Tên gói thầu: Gói 6: **Xây dựng và lắp đặt VTTB**

– Tên công trình: Trạm 110kV Becamex.

– Nội dung gói thầu: Xây dựng và lắp đặt VTTB Công trình: Trạm 110kV Becamex.

– Giá gói thầu: **4.853.662.022 đồng** (theo QĐ phê duyệt KHLCNT số 3434/QĐ-EVNSPC ngày 28/11/2025).

– Giá trị dự toán được duyệt: **4.839.100.588 đồng** ((Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, một trăm nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng) (đã bao gồm 10% thuế VAT và 5% chi phí dự phòng) (theo Quyết định số 1046/QĐ-ALĐMN ngày 02/12/2025)), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 3.795.035.624 đồng
- Chi phí thiết bị: 353.717.841 đồng
- Chi phí khác: 459.913.762 đồng
- Chi phí dự phòng: 230.433.361 đồng.

**4. Phương thức đấu thầu:** Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

**5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng

**6. Loại hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định

**7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (đã bao gồm ngày lễ và nghỉ theo quy định).

**8. Ngôn ngữ:**

– Hồ sơ mời thầu (E-HSMT): Tiếng Việt.

– Hồ sơ dự thầu (E-HSDT): E-HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến E-HSDT trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

– Luật và ngôn ngữ của Hợp đồng: Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt;

**9. Hiệu lực hồ sơ dự thầu:**  $\geq 120$  ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**10. Bảo đảm dự thầu có giá trị: 72.000.000 đồng**, có hiệu lực 150 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**11. Phạm vi công việc của gói thầu:** Xây dựng và lắp đặt VTTB.

**12. Giá dự thầu:** Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại;

**13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:** Việt Nam đồng

**14. Tư cách hợp lệ của nhà thầu của E-HSMT:** Theo mẫu E-HSMT (Theo khoản 5: Tư cách hợp lệ của nhà thầu – chương I: Chỉ dẫn nhà thầu và Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT – Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT).

**15. Về năng lực và kinh nghiệm:** Theo mẫu E-HSMT (Theo mục 2- Chương

III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT) :

**16. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:** Sử dụng tiêu chí đạt và không đạt được thực hiện theo các quy định của E-HSMT (Theo mục 2.2: tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật; mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật – Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E- HSDT);

**17. Phương pháp đánh giá về tài chính:** Theo phương pháp giá thấp nhất (theo khoản E-CDNT 30.1 – Chương II : Bảng dữ liệu đấu thầu)

**18. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:** theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của E-HSMT:

– **Về năng lực và kinh nghiệm:**

+ **Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu:** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu;

+ **Thực hiện nghĩa vụ thuế:** Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

– **Năng lực tài chính:**

+ **Kết quả hoạt động tài chính:** Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (**Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ**);

+ **Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):** Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của **03 năm** tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là **6.599.000.000 VND**.

+ **Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:** Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là **1.452.000.000 VND**;

Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:

➤ Giá trị: Tối thiểu **1.452.000.000** (ghi giá trị)

➤ Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong **30 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày **28/02/2026**;

➤ Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.

– **Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự:** (Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập): “**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022** đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Trạm biến áp có cấp điện áp 110 kV trở lên (Trong đó: Có 01 hợp đồng tương tự có giá trị công việc cung cấp, xây dựng và lắp đặt vật tư thiết bị trạm biến áp có cấp điện áp từ 110kV trở lên. **Lưu ý:** Để kiểm tra tính xác thực của hợp đồng tương tự tránh tình trạng tạo năng lực ảo, gây không công bằng trong đấu thầu. Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu tổ chức kiểm tra hiện trường thi công của hợp đồng tương tự đã xuất trình trong HSDT (nếu cần). Nếu nhà thầu từ chối hợp tác với Chủ đầu tư/Bên mời thầu khi được yêu cầu. HSDT của nhà thầu sẽ bị đánh giá không đáp ứng.). Hồ sơ chứng minh: Phải kèm theo hợp đồng; hoá đơn thanh toán cho hợp đồng; biên bản nghiệm thu đối với công trình đã hoàn thành

của Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án tương ứng với hợp đồng mà nhà thầu kê khai; các chứng từ liên quan khác (nếu có),...; Cấp: II; Có giá trị **2.420.000.000 đồng** với tư cách là thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ:

– Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.

### 19. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

#### a) Về nhân sự chủ chốt:

| STT | Vị trí công việc   | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự           | Chứng chỉ, trình độ chuyên môn   |
|-----|--|----------|--|--|
| 1   | Chỉ huy trưởng công trường (Trong trường hợp là nhà thầu liên danh đảm nhận thi công, từng thành viên liên danh phải có Chỉ huy trưởng với phân việc đảm nhận) | 01       | <i>tối thiểu 04 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng</i> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành điện hoặc xây dựng.</li> <li>- Có chứng chỉ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 2 còn hiệu lực.</li> <li>- Có xác nhận của Chủ đầu tư hoặc Ban QLDA về việc đã làm chỉ huy trưởng công trường phần việc thuộc nội dung hành nghề của ít nhất 01 công trình tương tự gói thầu đang xét.</li> </ul> |

#### b) Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu:

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị  | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|---|---------------------------|
| 1   | Trọn bộ các dụng cụ, thiết bị khác phục vụ thi công gói thầu (nhà thầu có văn bản cam kết huy động tham dự thầu): Ô tô tải trọng 7-15 tấn (01 chiếc); Ô tô tải gắn cần cẩu 20T vưon 25m (01 chiếc); Máy cuốc đất (01 máy), Máy phát điện 10kW (1 cái); Máy đầm dùi (01 cái); Máy đầm cóc (01 cái); Máy đầm bàn (01 cái); Máy đầm rung (01 cái); Máy bơm nước 1,0-1,5kW (01 cái), Máy cắt sắt (01 cái), Máy trộn bê tông dung tích 250 L (02 cái), Máy trộn vữa 80L (02 cái), Máy ép đầu cốt, khóa néo dây dẫn điện (02 cái), Máy kính vĩ thủy bình (01 cái), Máy hàn hồ quang (02 cái). | 01 Trọn bộ                |

**20. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:** theo mục 3, Chương III, Tập 1 và Phần 4, tập 2 của E-HSMT (Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt” và “không đạt”. và hướng dẫn thi công theo tập 3, của Hồ sơ mời thầu (E-HSMT);

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

**21. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDXTC:** Phương pháp giá thấp nhất theo các bước sau:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu;
- Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);
- Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT
- Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất

**22. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:**

– Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% Giá hợp đồng (Gồm 01 bản gốc và 04 bản sao có xác nhận của đơn vị bảo lãnh).

– Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành..

– Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

– Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày (bảy ngày) kể từ ngày hợp đồng được ký kết, Bên B phải cung cấp một (01) bản chính và bốn (04) bản sao y (của đơn vị bảo lãnh) bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu theo Mẫu số 15 Chương VIII).

**23. Phương thức thanh toán và bảo hành:**

– **Tạm ứng:** 30% giá trị hợp đồng (không bao gồm thuế VAT và chi phí dự phòng).

– **Thời gian tạm ứng:** 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng;

– Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng;

– **Hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng là:** Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu (Chủ đầu tư) đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên theo khoản **E-ĐKC- 42.1.**

– **Hồ sơ tạm ứng:**

- + Văn bản yêu cầu tạm ứng;
- + Bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bảo lãnh tiền tạm ứng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu;

- + Hợp đồng bảo hiểm;

- + Lệnh khởi công của Ban A.

- **Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:** Trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A chuyển tiền tạm ứng, Bên B phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định tại Điều kiện chung của hợp đồng. Bên B sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích

- **Phương thức thanh toán:**

- + Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

- + Thời hạn thanh toán: 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Chi tiết theo chương VII tập 1 HSMT đính kèm.

- + Số lần thanh toán: Số lần thanh toán sẽ được tiến hành không quá 06 đợt (không kể đợt thanh toán tạm ứng lần đầu) và giá trị đợt lấy theo khối lượng nghiệm thu hoàn thành từng đợt. Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng, giá trị còn lại sẽ thanh toán vào đợt cuối.

- + Thanh toán đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp sử dụng thừa và VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc *lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công ...*) và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 05% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành theo **E- ĐKC 44.1**.

- **Hồ sơ thanh toán:**

- + Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng.

- + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện bên A hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên B.

- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành) được tính trên cơ sở: khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có), giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán.

- + Hóa đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính.

- + Các hồ sơ chất lượng kèm theo.

- **Bảo hành:**

- + Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 05% giá trị thanh toán đợt;

- + Thời hạn bảo hành công trình: Không ít hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình.

- + Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

– **Phạt hợp đồng:** Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình do lỗi chủ quan của Bên B, không do các nguyên nhân khách quan khác (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, các trường hợp thay đổi thiết kế, các trường hợp liên quan đến công tác đền bù giải phóng mặt bằng và vật tư do Bên A cung cấp) thì Bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:

- Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;
- Chậm mỗi 02 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm;
- Mức phạt: Tổng số tiền phạt do vi phạm hợp đồng không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

– **Bồi thường thiệt hại:** Ngoài việc phạt hợp đồng các trường hợp vi phạm nêu trên, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) với mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia (mức tổn thất sẽ được các bên xác định cụ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng). Phạt chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng theo khoản **E-ĐKC 49.2**.